

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-31

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCĐL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khuất Minh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2017
Ông Lê Vũ Trang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2017
Bà Lê Nguyễn Mai Hoa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/03/2017
Ông Khuất Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2017
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Tất Hiếu	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng Diệp	Thành viên
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



*[Handwritten signature in blue ink]*

*[Handwritten signature in blue ink]*

---

**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018*

---

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>81.000.771.322</b>	<b>85.923.434.264</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>14.363.540.408</b>	<b>12.330.604.149</b>
111	1. Tiền		14.363.540.408	11.611.951.318
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	718.652.831
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>106.458.215</b>	<b>3.721.077.679</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(38.206.265)	(91.970.964)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.668.384.163
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>65.844.696.554</b>	<b>69.263.130.491</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.346.294.379	30.640.821.692
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		327.689.782	27.132.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	46.170.712.393	38.595.176.799
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>126.627.561</b>	<b>154.686.771</b>
141	1. Hàng tồn kho		126.627.561	154.686.771
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>559.448.584</b>	<b>453.935.174</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	201.520.909	367.843.637
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		352.497.675	86.091.537
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	5.430.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>30.143.620.079</b>	<b>33.133.540.624</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>971.509.500</b>	<b>811.506.500</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	971.509.500	811.506.500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>20.456.344.924</b>	<b>24.607.987.258</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	20.456.344.924	24.607.987.258
222	- Nguyên giá		35.812.367.163	39.947.090.707
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.356.022.239)	(15.339.103.449)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>6.178.863.492</b>	<b>4.944.956.474</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.178.863.492	4.944.956.474
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.536.902.163</b>	<b>2.769.090.392</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.536.902.163	2.769.090.392
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>111.144.391.401</b>	<b>119.056.974.888</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>46.827.908.171</b>	<b>58.496.331.872</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>46.827.908.171</b>	<b>58.496.331.872</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	16.501.525.747	22.026.155.617
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	21.633.601.192	28.995.788.833
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	976.276.572	557.801.740
314	4. Phải trả người lao động		4.497.021.609	5.379.418.268
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	453.255.432	448.451.407
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.759.324.198	1.081.812.586
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.903.421	6.903.421
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>64.316.483.230</b>	<b>60.560.643.016</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>64.316.483.230</b>	<b>60.560.643.016</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		30.000.000.000	30.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		15.992.121.555	14.487.705.217
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.493.507.828	6.266.976.199
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		260.793.326	27.033.401
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		6.232.714.502	6.239.942.798
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		11.830.853.847	9.805.961.600
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>111.144.391.401</b>	<b>119.056.974.888</b>

*Nguyễn Thị Quỳnh*

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

*Đào Hồng Vân*  
Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Bá Tiến*  
Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	598.889.505.272	576.358.593.974
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		598.889.505.272	576.358.593.974
11	4. Giá vốn hàng bán	18	553.466.262.889	536.262.573.654
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.423.242.383	40.096.020.320
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	224.249.991	771.274.172
22	7. Chi phí tài chính	20	107.376.192	224.125.145
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		36.717.952	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.084.367.845	934.988.127
25	9. Chi phí bán hàng	21	624.559.407	917.826.136
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	35.806.437.601	32.820.698.506
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.193.487.019	7.839.632.832
31	12. Thu nhập khác		112.397.502	148.365
32	13. Chi phí khác		155.357.696	244.780.473
40	14. Lợi nhuận khác		(42.960.194)	(244.632.108)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.150.526.825	7.595.000.724
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.892.920.076	1.367.099.069
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(18.002.743)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.257.606.749</u>	<u>6.245.904.398</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		6.232.714.502	6.239.942.798
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.024.892.247	5.961.600
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	2.078	2.080

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

  
Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>10.150.526.825</b>	<b>7.595.000.724</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.530.343.349	1.342.762.723
03	- Các khoản dự phòng		(53.764.699)	22.757.984
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(31.201.810)	(123.389.949)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(380.750.885)	(1.399.015.832)
06	- Chi phí lãi vay		36.717.952	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>11.251.870.732</b>	<b>7.438.115.650</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.610.219.735	(18.185.720.242)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		28.059.210	1.652.422
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.148.615.311)	13.438.403.974
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		398.510.957	(1.477.149.139)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(36.717.952)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.428.454.766)	(1.793.958.949)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(354.800.000)	(864.750.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>320.072.605</b>	<b>(1.443.406.284)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(2.474.020.544)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.681.818.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(668.384.163)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.668.384.163	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		174.680.644	611.903.460
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>5.524.882.989</b>	<b>(3.530.501.247)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.830.831.937	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.830.831.937)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.884.273.700)	(3.579.692.950)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(3.884.273.700)</b>	<b>(3.579.692.950)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>1.960.681.894</b>	<b>(8.553.600.481)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.330.604.149	20.887.545.647
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		72.254.365	(3.341.017)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>14.363.540.408</u>	<u>12.330.604.149</u>

*Nguyễn Thị Quỳnh*

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 30.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 30.000.000.000 đồng; tương đương 3.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Khách sạn Vịnh Hạ Long	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh nhà hàng khách sạn
Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Công ty có công ty liên doanh được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Hà Nội	50,00%	50,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như thù lao Hội đồng quản trị... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## **2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.15 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.315.742.050	2.179.921.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.047.798.358	9.432.029.930
Các khoản tương đương tiền	-	718.652.831
	<u><u>14.363.540.408</u></u>	<u><u>12.330.604.149</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	-	-	3.668.384.163	3.668.384.163
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.668.384.163	3.668.384.163
	-	-	<b>3.668.384.163</b>	<b>3.668.384.163</b>

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
	144.664.480	106.458.215	(38.206.265)	52.693.516
	<b>144.664.480</b>	<b>106.458.215</b>	<b>(38.206.265)</b>	<b>52.693.516</b>
				Dự phòng
				VND
				(91.970.964)
				<b>(91.970.964)</b>

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

(\*) Giá trị hợp lý của Chứng khoán niêm yết được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính của chứng khoán trên sàn HNX.

**c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
			VND	
	50,00%	50,00%	6.178.863.492	50,00%
				Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
			VND	VND
			4.944.956.474	4.944.956.474
			<b>6.178.863.492</b>	<b>4.944.956.474</b>

- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam

(Địa chỉ: Thành phố Hà Nội)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- CATAI Tour	5.957.409.350	5.539.004.451
- Sichua, China Youth Travel Service Co.,Ltd	-	1.468.230.706
- Đại lý Du lịch Hàng không Quốc tế Vân Nam	-	6.697.142.120
- Công ty TNHH lữ hành chuyến bay quốc tế Thăng Thế Thiên Tân	-	2.841.842.054
- Công ty TNHH du lịch thông tin quốc tế Thành Đô, CN Cẩm Giang	-	4.026.893.084
- Công ty TNHH lữ hành quốc tế thành đô quang đại - Bộ 2 VIP quốc tế	-	2.422.380.232
- Công ty lữ hành Thanh Niên Trung Quốc, CN Thiều Thành - Heart Travel	-	2.603.514.177
- Maison del'Indochine (MDI)	828.564.405	1.241.557.120
- Công ty TNHH du lịch quốc tế Phong Quang Côn Minh	1.702.186.830	-
- Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế Trung Thịnh Thượng Hải	3.404.169.675	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.453.964.119	3.800.257.748
	<b>19.346.294.379</b>	<b>30.640.821.692</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>78.600.000</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.		

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.900.000	-	95.255.974	-
Bảo hiểm xã hội	817.050	-	12.758.571	-
Bảo hiểm y tế	-	-	1.820.271	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	1.213.514	-
Tạm ứng	41.699.130.766	-	33.510.273.967	-
Phải thu vé máy bay	3.213.296.558	-	4.118.723.985	-
Công ty TNHH TWX Việt Nam	799.748.989	-	-	-
Phải thu khác	450.819.030	-	855.130.517	-
	<b>46.170.712.393</b>	<b>-</b>	<b>38.595.176.799</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	971.509.500	-	811.506.500	-
	<b>971.509.500</b>	<b>-</b>	<b>811.506.500</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	103.765.911	-	134.003.020	-
Công cụ, dụng cụ	5.750.000	-	-	-
Hàng hoá	17.111.650	-	20.683.751	-
	<b>126.627.561</b>	<b>-</b>	<b>154.686.771</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	32.909.325.501	645.136.390	6.392.628.816	39.947.090.707
- Thanh lý, nhượng bán	(3.266.506.181)	(99.681.000)	(768.536.363)	(4.134.723.544)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.642.819.320</b>	<b>545.455.390</b>	<b>5.624.092.453</b>	<b>35.812.367.163</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	12.914.960.504	465.489.645	1.958.653.300	15.339.103.449
- Khấu hao trong năm	695.418.861	145.018.603	689.905.885	1.530.343.349
- Thanh lý, nhượng bán	(979.951.860)	(48.179.150)	(485.293.549)	(1.513.424.559)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.630.427.505</b>	<b>562.329.098</b>	<b>2.163.265.636</b>	<b>15.356.022.239</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	19.994.364.997	179.646.745	4.433.975.516	24.607.987.258
Tại ngày cuối năm	<b>17.012.391.815</b>	<b>(16.873.708)</b>	<b>3.460.826.817</b>	<b>20.456.344.924</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 353.819.117 VND.

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí dịch vụ thuê văn phòng	201.520.909	222.577.728
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	145.265.909
	<b>201.520.909</b>	<b>367.843.637</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	978.178.019	1.279.403.007
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.269.680.244	1.217.855.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	289.043.900	271.831.752
	<b>2.536.902.163</b>	<b>2.769.090.392</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam - Havana Hotel	-	-	274.727.237	274.727.237
- Công ty TNHH Mương Thanh Nha Trang	125.320.000	125.320.000	2.727.041.818	2.727.041.818
- Công ty TNHH Vinpearland	-	-	4.122.517.339	4.122.517.339
- Công ty CP Du thuyền Năm sao Tuần Châu	1.250.712.500	1.250.712.500	1.023.056.477	1.023.056.477
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hải Vân Nam (Khách sạn Havana)	1.611.158.000	1.611.158.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	13.514.335.247	13.514.335.247	13.878.812.746	13.878.812.746
	<b>16.501.525.747</b>	<b>16.501.525.747</b>	<b>22.026.155.617</b>	<b>22.026.155.617</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>626.127.500</b>	<b>626.127.500</b>

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Đại lý Du lịch Hàng không Quốc tế Vân Nam	2.823.910.000	2.867.239.000	2.867.239.000	2.867.239.000
- Khách Trung Quốc Charter Thành Đô	622.751.748	7.699.999.962	7.699.999.962	7.699.999.962
- Công ty TNHH du lịch thông tin quốc tế Thành Đô, Chi nhánh Cẩm Giang	8.797.073.722	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Khách Trung Quốc Charter Trịnh Châu	780.989.252	-	-	-
- Khách Lotus Travel	1.965.897.876	1.184.907.398	1.184.907.398	1.184.907.398
- Phải trả các đối tượng khác	6.642.978.594	13.243.642.473	13.243.642.473	13.243.642.473
	<b>21.633.601.192</b>	<b>28.995.788.833</b>	<b>28.995.788.833</b>	<b>28.995.788.833</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		314.201.729		4.568.820.699		4.617.279.473		-		265.742.955	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		239.699.069		1.892.920.076		1.428.454.766		-		704.164.379	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		3.900.942		627.691.575		630.653.279		5.430.000		6.369.238	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		217.356.051		217.356.051		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		16.836.000		16.836.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		60.602.275		60.602.275		-		-	
	-		<b>557.801.740</b>		<b>7.384.226.676</b>		<b>6.971.181.844</b>		<b>5.430.000</b>		<b>976.276.572</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	300.000.000	300.000.000
- Chi phí phải trả khác	153.255.432	148.451.407
	<u><b>453.255.432</b></u>	<u><b>448.451.407</b></u>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	38.042.755	52.930.863
- Bảo hiểm xã hội	74	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	172.986.150	157.259.850
- Tạm ứng thừa	2.000.000	528.002.973
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	1.449.539.173	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.096.756.046	343.618.900
	<u><b>2.759.324.198</b></u>	<u><b>1.081.812.586</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>13.125.026.553</b>	<b>5.534.783.530</b>	-	<b>48.659.810.083</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	9.800.000.000	9.800.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	6.239.942.798	5.961.600	6.245.904.398
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.362.678.664	(1.362.678.664)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(545.071.465)	-	(545.071.465)
Chia cổ tức	-	-	(3.600.000.000)	-	(3.600.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>14.487.705.217</b>	<b>6.266.976.199</b>	<b>9.805.961.600</b>	<b>60.560.643.016</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>14.487.705.217</b>	<b>6.266.976.199</b>	<b>9.805.961.600</b>	<b>60.560.643.016</b>
Lãi trong năm nay	-	-	6.232.714.502	2.024.892.247	8.257.606.749
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	1.504.416.338	(6.006.182.873)	-	(4.501.766.535)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>15.992.121.555</b>	<b>6.493.507.828</b>	<b>11.830.853.847</b>	<b>64.316.483.230</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công đồng thường niên năm 2017 ngày 20/04/2017, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	100,00%	6.017.665.352
Trích Quỹ đầu tư phát triển	25,00%	1.504.416.338
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	601.766.535
Chi trả cổ tức (bằng 13% vốn điều lệ)	64,81%	3.900.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,19%	11.482.479

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Nguyễn Bá Tiến	1,81%	543.000.000	14,06%	4.218.000.000
Đặng Thị Minh Chi	10,16%	3.050.000.000	10,16%	3.050.000.000
Đào Thị Hiền	0,00%	-	18,13%	5.440.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,00%	1.500.000.000	5,00%	1.500.000.000
Hoàng Tùng	6,88%	2.062.700.000	6,88%	2.062.700.000
Công ty TNHH NN Một thành viên XNK và Đầu tư Hà Nội	9,80%	2.940.000.000	9,80%	2.940.000.000
Nguyễn Thị Minh Yên	14,70%	4.410.000.000	14,70%	4.410.000.000
Trần Ngọc Nhật	18,13%	5.440.000.000	0,00%	-
Khuất Minh Hà	17,62%	5.284.500.000	4,95%	1.484.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	15,90%	4.769.800.000	16,32%	4.894.800.000
	<u>100%</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>30.000.000.000</u>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	30.000.000.000	30.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.900.000.000	3.600.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.900.000.000	3.600.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.992.121.555	14.487.705.217
	<u>15.992.121.555</u>	<u>14.487.705.217</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	63.901,94	83.056,17
- Đồng Euro (EUR)	3.873,97	10.291,73
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	32.879,00

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	598.889.505.272	576.358.593.974
	<u>598.889.505.272</u>	<u>576.358.593.974</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	<u>370.149.727</u>	<u>790.954.545</u>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	553.466.262.889	536.262.573.654
	<u>553.466.262.889</u>	<u>536.262.573.654</u>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	86.324.670	627.589.516
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	104.875.672	20.294.707
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	33.049.649	123.389.949
	<u>224.249.991</u>	<u>771.274.172</u>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.717.952	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	122.575.100	197.770.657
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.847.839	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(53.764.699)	22.757.984
Chi phí tài chính khác	-	3.596.504
	<u>107.376.192</u>	<u>224.125.145</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	251.452.735	468.547.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.106.672	449.278.420
	<b>624.559.407</b>	<b>917.826.136</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.051.934	451.424.132
Chi phí nhân công	19.488.955.988	16.395.205.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	967.868.204	759.734.897
Thuế, phí, lệ phí	427.179.724	446.248.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.290.883.936	3.630.470.503
Chi phí khác bằng tiền	9.181.497.815	11.137.615.324
	<b>35.806.437.601</b>	<b>32.820.698.506</b>

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Công ty mẹ (thuế suất 20%)	780.464.002	1.286.863.734
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Công ty con (thuế suất 20%)	1.112.456.074	80.235.335
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.892.920.076</b>	<b>1.367.099.069</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	239.699.069	666.558.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.428.454.766)	(1.793.958.949)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>704.164.379</b>	<b>239.699.069</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.232.714.502	6.239.942.798
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.232.714.502	6.239.942.798
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.078</b>	<b>2.080</b>

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.700.278.678	2.361.498.138
Chi phí nhân công	20.946.867.070	19.174.591.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.530.343.349	1.342.762.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	492.622.144.898	429.649.918.401
Chi phí khác bằng tiền	73.097.625.902	118.735.907.690
	<b>589.897.259.897</b>	<b>571.264.678.815</b>

**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.363.540.408	-	12.330.604.149	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.488.516.272	-	70.047.504.991	-
Các khoản cho vay	-	-	3.668.384.163	-
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	(38.206.265)	144.664.480	(91.970.964)
	<b>80.996.721.160</b>	<b>(38.206.265)</b>	<b>86.191.157.783</b>	<b>(91.970.964)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	19.260.849.945	23.107.968.203
Chi phí phải trả	453.255.432	448.451.407
	<b>19.714.105.377</b>	<b>23.556.419.610</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	106.458.215	-	-	106.458.215
	<b>106.458.215</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106.458.215</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	52.693.516	-	-	52.693.516
	<b>52.693.516</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.693.516</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.363.540.408	-	-	14.363.540.408
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.517.006.772	971.509.500	-	66.488.516.272
	<b>79.880.547.180</b>	<b>971.509.500</b>	<b>-</b>	<b>80.852.056.680</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.330.604.149	-	-	12.330.604.149
Phải thu khách hàng, phải thu khác	69.235.998.491	811.506.500	-	70.047.504.991
Các khoản cho vay	3.668.384.163	-	-	3.668.384.163
	<b>85.234.986.803</b>	<b>811.506.500</b>	<b>-</b>	<b>86.046.493.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.260.849.945	-	-	19.260.849.945
Chi phí phải trả	453.255.432	-	-	453.255.432
	<b>19.714.105.377</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.714.105.377</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	23.107.968.203	-	-	23.107.968.203
Chi phí phải trả	448.451.407	-	-	448.451.407
	<b>23.556.419.610</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.556.419.610</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>370.149.727</b>	<b>790.954.545</b>
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega	Công ty liên doanh	370.149.727	790.954.545
Mua hàng hóa dịch vụ		<b>1.064.193.097</b>	<b>569.206.818</b>
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega	Công ty liên doanh	1.064.193.097	569.206.818



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		-	<b>78.600.000</b>
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Công ty liên doanh	-	78.600.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>626.127.500</b>
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Công ty liên doanh	100.000.000	626.127.500
<b>Phải trả khác</b>		<b>1.449.539.173</b>	-
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Công ty liên doanh	1.449.539.173	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	410.553.254	395.877.500
Thu nhập của Hội đồng quản trị và người quản lý khác	997.747.353	867.144.809

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lậpĐào Hồng Vân  
Kế toán trưởngNguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018